

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ TP. HÀ TIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03 /YCBG-TTYT

Hà Tiên, ngày 14 tháng 03 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ luật đấu thầu số 22/2023/QH15, ngày 23/6/2023 của Quốc hội quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập; nghị định 24/2024/NĐ-CP, ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu vật tư y tế, hóa chất, trang thiết bị thông thường cần mua sắm cấp bách trong khi chờ kết quả đấu thầu tập trung của tỉnh giai đoạn năm 2024-2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Bùi Thanh Hiệp, trưởng khoa Dược - trang thiết bị - vật tư y tế. Điện thoại: 02973.966.122. Email: buihanhhiiepbvhtkg@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

01 Bản cứng có ký tên và đóng dấu gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

01 bản file Excel gửi qua email: buihanhhiiepbvhtkg@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8 giờ 00 ngày 14 tháng 03 năm 2024 đến trước 17 giờ 00 ngày 25 tháng 03 năm 2024, các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 25 tháng 03 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế, thông thường cần mua sắm cấp bách:

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất, trang thiết bị y tế thông thường.	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn Vị Tính
1	Băng bột bó 15cm x 4.5 m	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cuộn	360
2	Băng gạc cuộn y tế	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cuộn	300

3	Băng keo lụa 2.5cm x 5m	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cuộn	384
4	Bình đựng sắc nhọn 6,8l	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	20
5	Bộ điều kinh (ống karman)	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Bộ	10
6	Bo đò cao su	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	80
7	Bơm tiêm nhựa 10ml	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	8.000
8	Bơm tiêm nhựa 1ml	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	300
9	Bơm tiêm nhựa 20ml	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	300
10	Bơm tiêm nhựa 3ml	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	400
11	Bơm tiêm nhựa 5ml	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	8.000
12	Bông mở (Bông không thấm nước	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Kg	2
13	Bông y tế thấm nước	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Kg	24
14	Catheter mour	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	10
15	Chỉ chromic catgut số 1, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 40mm, C50A40	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Tép	56
16	Chỉ chromic catgut số 2/0, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 36mm, C30A36	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Tép	48
17	Chỉ chromic catgut số 3/0	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Tép	24
18	Chỉ PDS 2/0	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Tép	36
19	Chỉ Polyglactin 910 dài 90cm, Kim tròn 1/2C - 40mm. bằng thép không rỉ 301 bọc Silicon và calcium stearate VCP 359H	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Tép	36
20	Chỉ Polyglactin 2/0 dài 75cm, Kim tròn 1/2C - 25mm. bằng thép không rỉ 301 bọc Silicon và calcium stearate W9121	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Tép	12
21	Dẫn lưu ổ bụng	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	10
22	Dao mổ số 11	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	100
23	Dao mổ số 21	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	100
24	Dây hút nhót có kiểm soát	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Sợi	60
25	Dây nối mềm đường kính nhỏ, nối máy bơm tiêm điện 140cm.	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	20
26	Dây oxy 2 nhánh người lớn	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Sợi	100
27	Dây oxy 2 nhánh trẻ em	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Sợi	20
28	Dây truyền dịch 20 giọt	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	1.500
29	Dây truyền dịch 20 giọt/ml có bầu đếm giọt 2 ngăn	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	90
30	Dây cho ăn các số	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	10
31	Gạc bụng phòng mổ: 30cm x 30cm x 12 lớp	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	50
32	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Đôi	1.500

33	Găng tay sản tiết trùng 7	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Đôi	50
34	Giấy điện tim 6 kênh 110x140	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Xấp	5
35	Giấy đo tim thai (152 x 90mm-150P)	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Xấp	10
36	Khăn lót thấm	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	300
37	Khóa 3 ngã có dây nối 30cm	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	10
38	Kim lấy máu bằng thép không gỉ	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	200
39	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa, các loại các cỡ	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	1.300
40	Kim nha ngắn	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	200
41	Kim tiêm các số	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	2.500
42	Kim châm cứu AIK các cỡ, tiết trùng trước khi sử dụng	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cây	3.000
43	Mask xông khí dung các size	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	100
44	Máy đo huyết áp người lớn	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Bộ	4
45	Nhiệt kế thủy ngân	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	12
46	Ống đặt nội khí quản có bóng hoặc không bóng, có công hút dịch	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	30
47	Ống hút dịch phẫu thuật	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Sợi	20
48	Ống thông tiểu 2 nhánh các số	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	50
49	Que đê lưới gỗ	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	1.000
50	Que đường huyết OG CARE	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Hộp	4
51	Tạp dề	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	50
52	Túi đựng nước tiểu có dây treo, có khóa	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Cái	30
53	Viên diệt khuẩn 2.5g	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Hộp	10
Tổng cộng : 53 khoản				

(Chi tiết tại **Phụ lục I** đính kèm yêu cầu báo giá này)

2. Địa điểm giao hàng: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: tối đa 07 ngày, theo từng đợt, trong vòng 24 tháng.

4. Giá báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển ... bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

5. Mẫu báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp theo **phụ lục II** đính kèm

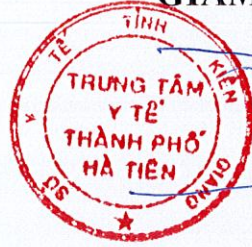
yêu cầu báo giá này.

Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên rất mong nhận được sự quan tâm và Bảng báo giá của quý công ty/đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BGD, CNTT (đăng tải), KD, TCKT;
- Lưu Văn thư.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Viên

phụ lục 1

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất, trang thiết bị y tế thông thường (2)	Tính năng kỹ thuật	Tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng
1	Băng bột bó 15cm x 4,5 m	Băng bột bó 15cm x 2,7m Nguyên liệu G7, Làm bằng thạch cao, lõi bằng ống nhựa giúp cho việc thao tác nhúng nước được nhanh hơn, thời gian đông kết từ 2 - 6 phút, trọng lượng trên mỗi đơn vị diện tích (g/m ²): 450, Calcium Sulphate 98%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ISO 13485	Cuộn	360
2	Băng gạc cuộn y tế	Gạc cotton màu trắng có kích thước chiều dài: 2,5m + 0,2m, chiều rộng 9cm + 0,4cm. Mật độ sợi: 11- 10 sợi/ cm2. Thời gian chìm trong nước không quá 10 giây. Mất khối lượng do sấy khô: < 8,5%	ISO 13485	Cuộn	300
3	Băng keo lụa 2.5cm x 5m	- Keo polyvinyl acetate (100%) không dị ứng - Polymer trong phân tán nước, dính tốt - Dễ xé Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ISO 13485	Cuộn	384
4	Bình đựng sắc nhọn 6,8l	Hộp bằng nhựa màu vàng, nắp đỏ. 6,8 lít	ISO 13485	Cái	20
5	Bộ điều kinh (ống karman)	Xilanh và piston: 1 bộ - Ống hút: 2 ống - Dầu bôi trơn: 1 lọ Sản phẩm đạt tiêu chuẩn TCCS 01:2016/NP	ISO 13485	Bộ	10
6	Bô đồ cao su	Bô cao su 90ml, (cao su mềm)	ISO 13485	Cái	80
7	Bơm tiêm nhựa 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G. Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ISO 13485	Cái	8.000
8	Bơm tiêm nhựa 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 26G x1/2. Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ISO 13485	Cái	300
9	Bơm tiêm nhựa 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G x1 Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ISO 13485	Cái	300
10	Bơm tiêm nhựa 3ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 3 ml, cỡ kim 23G, 25G. Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ISO 13485	Cái	400
11	Bơm tiêm nhựa 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G. Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ISO 13485	Cái	8.000

12	Bông mờ (Bông không thấm nước)	Được làm từ 100% bông tự nhiên, đã được chải qua để loại bỏ tạp chất. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam. Kết cấu mịn màng và mềm mại. Không thấm nước. - ISO 9001:2015, ISO 13485:2016	ISO 13485	Kg	2
13	Bông y tế thấm nước	Thành phần 100% bông tự nhiên, Độ PH: 6.5~7.5 Thời gian hút nước: ≤3s Độ hút nước: ≥ gấp 16 lần Trọng lượng mất đi sau khi sấy : ≤8% Tính khuếch tán của chất dạ quang : đạt Hàm lượng clo dư : Không phát hiện Quy cách : 1kg/ bao, 12bao/ thùng Đóng gói : Bao PE Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ISO 13485	Kg	24
14	Catheter mour	Hỗ trợ máy thở, với mục đích duy trì đường thở cho bệnh nhân. Chiều dài: 15cm. Ngõ kết nối bệnh nhân 22M/15F	Iso 13485, CE	Cái	10
15	Chỉ chromic catgut số 1, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 40mm, C50A40	Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Chỉ làm từ collagen thanh mạc ruột bò (không phải cừu hoặc dê), sợi chắc, dễ uốn. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat	ISO 13485	Tép	56
16	Chỉ chromic catgut số 2/0, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 36mm, C30A36	Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Chỉ làm từ collagen thanh mạc ruột bò (không phải cừu hoặc dê), sợi chắc, dễ uốn. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat	ISO 13485	Tép	48
17	Chỉ chromic catgut số 3/0	Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Chỉ làm từ collagen thanh mạc ruột bò (không phải cừu hoặc dê), sợi chắc, dễ uốn. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat	ISO 13485	Tép	24
18	Chỉ PDS 2/0	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 2/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn plus SH dài 26mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữ chặt kim khi thao tác, lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần - 70% sau 4 tuần - 60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày	CE, ISO 13485, CFS	Tép	36
19	Chỉ Polyglactin 910 dài 90cm, Kim tròn 1/2C - 40mm. bằng thép không rỉ 301 bọc Silicon và calcium stearate VCP 359H	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn taper CT, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 40mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	CE, ISO 13485, CFS	Tép	36

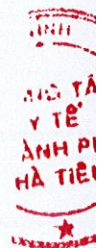
20	Chỉ Polyglactin 2/0 dài 75cm, Kim tròn 1/2C - 25mm. bằng thép không rỉ 301 bọc Silicon và calcium stearate W9121	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn SH Plus, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chu Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn SH Plus, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS.	CE, ISO 13485, CFS	Tép	12
21	Dẫn lưu ổ bụng	Ống thông được sản xuất từ mù cao su. sản phẩm dùng để giải thoát dịch khỏi một khoang cơ thể nhất định, dùng để dẫn lưu áp xe dẫn lưu đường mổ sau phẫu thuật nơi có dịch thấm ra nhiều Đã tiệt trùng	ISO 13485	Cái	10
22	Dao mổ số 11	Lưỡi dao phẫu thuật các số. Thép không rỉ đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13486	ISO 13485	Cái	100
23	Dao mổ số 21	Lưỡi dao phẫu thuật các số. Thép không rỉ đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ISO 13485	Cái	100
24	Dây hút nhót có kiểm soát	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm, có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây cách đầu bo tròn một khoảng 10 mm không gây tổn thương cho người bệnh tạo hiệu quả cao khi sử dụng. Một đầu dây được gắn khóa van điều chỉnh. Được tiệt trùng bằng khí E.O. Tiêu chuẩn: ISO 13485	ISO 13485	Sợi	60
25	Dây nối mềm đường kính nhỏ, nối máy bơm tiêm điện 140cm.	Dây nối bơm tiêm điện với khóa kết nối Luer lock. Khóa bảo vệ: cap connector.Ống chống xoắn. Độ dài của dây nối là 140cm. thể tích lòng ống = 1ml. Sản phẩm tiệt trùng 100% . Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, Chứng nhận EC	Iso 13485, CE	Cái	20
26	Dây oxy 2 nhánh người lớn	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, có màu xanh lá, trong suốt, mềm , gồm 1 ống chính , 2 ống phụ và 3 co nối . Tổng chiều dài ống dây là 2.200mm Size: Người lớn . Được tiệt trùng bằng khí E.O. Tiêu chuẩn: ISO 13485 - 2016.ISO 9001:2015	ISO 13485	Sợi	100

27	Dây oxy 2 nhánh trẻ em	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, có màu xanh lá, trong suốt, mềm, gồm 1 ống chính, 2 ống phụ và 3 co nối. Tổng chiều dài ống dây là 2.200mm Size: Trẻ em . Được tiệt trùng bằng khí E.O. Tiêu chuẩn: ISO 13485 - 2016, ISO 9001:2016	ISO 13485	Sợi	20
28	Dây truyền dịch 20 giọt	• Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng. Kim nút chai làm từ nhựa ABS nguyên sinh. • Chiều dài dây dẫn 150cm. Chiều dài tổng 160cm. • Điều chỉnh được chính xác 20 giọt/ml. Buồng nhỏ giọt và ống nhỏ giọt có thiết kế màng lọc dịch và trong suốt để quan sát theo dõi đếm giọt. Tiệt trùng EO và đóng gói riêng cho từng sản phẩm. . Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016	Iso 13485, CE	Cái	1.500
29	Dây truyền dịch 20 giọt/ml có bầu đếm giọt 2 ngăn	Dây truyền dịch 20- giọt/ml, 2 ngăn cứng mềm, có chức năng đuổi khí tự động Kim chai cứng dễ dàng đâm xuyên nút chai Buồng nhỏ giọt làm từ nhựa TPE, không chứa PVC, trong suốt, linh hoạt (Tốc độ truyền: 20 giọt/ml) Không chứa DEHP, làm giảm độc tính, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân Phù hợp dùng cho ăn cũng như truyền dịch áp lực cao lên đến 2 bars, Khối lượng mỗi: 6.46ml/meter Có sẵn công tiêm "Y" (không chứa latex) Chiều dài dây: 180cm Đường kính: I ø 3mm & O ø 4.1mm Vi khuẩn được giữ lại ở màng lọc cửa thông khí (Màng lọc 0.2 micro) Màng lọc chất lỏng 15 micro trong buồng nhỏ giọt Ống nhựa PVC không chứa DEHP, mềm, chống xoắn đảm bảo tốc độ dòng chảy đều Kẹp lán mịn giúp kiểm soát và điều chỉnh tốc độ dòng chảy dễ dàng và an toàn Khóa xoay luer lock Tiệt trùng bằng khí EO. TCCL ISO, CE	Iso 13485, CE	Cái	90
30	Dây cho ăn các số	Các cỡ 6,8,10,12,14,16,18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Iso 13485	Cái	10
31	Gạc bông phòng mổ: 30cm x 30cm x 12 lớp	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Kích thước 30cm x30cm x 12 lớp.	ISO 13485	Cái	50

32	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	<ul style="list-style-type: none"> - Găng phẫu thuật tiệt trùng các số được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 10282:2016. - Chiều dài (min): 280 mm. - Chiều dày 1 lớp: 0,15±0,03 mm. - Chiều rộng: số 6.5: 83±5mm; số 7.0: 89±5mm; số 7.5: 95±5mm; số 8.0: 102±6mm. - Cường lực kéo đứt: trước già hóa ≥ 12,5N; sau già hóa ≥ 9,5N. - Độ dẫn dài: trước già hóa ≥ 700%, sau già hóa ≥ 550%. - Găng đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016. 	ISO 13485	Đôi	1.500
33	Găng tay sản tiệt trùng 7	<ul style="list-style-type: none"> - Găng phẫu thuật cổ tay dài được sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 10282:2014. - Chiều dài (min): 490 mm. - Chiều dày 1 lớp (min): 0,15±0,03mm. - Chiều rộng: số 7.0: 89±5mm, số 7.5: 95±5mm. - Cường lực kéo đứt: trước già hóa ≥ 12,5N, sau già hóa ≥ 9,5N. - Độ dẫn dài : trước già hóa ≥ 700%, sau già hóa ≥ 550%. - Găng đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016. 	ISO 13486	Đôi	50
34	Giấy điện tim 6 kênh 110x140	Giấy điện tim 6 cần (sọc đỏ). KT: 110mm x 140mm x 200 tờ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	ISO 13485	Xấp	5
35	Giấy đo tim thai (152 x 90mm-150P)	Giấy đo tim thai . KT: 152mm x 90mm x 150 tờ. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	ISO 13485	Xấp	10
36	Khăn lót thấm	Tấm lót sản 40cm x 60cm	ISO 13485	Cái	300
37	Khóa 3 ngã có dây nối 30cm	<ul style="list-style-type: none"> - Khóa ba ngã kèm dây nối 25cm - Thiết bị có thể được kết nối với các loại kim luồn, dây truyền dịch, dây truyền máu - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE, ISO13485 	ISO 13485	Cái	10
38	Kim lấy máu bằng thép không gỉ	Kim lấy máu bằng thép không gỉ phủ silicon, 30G. Nắp nhựa bảo vệ bằng polypropylene. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Iso 13485, CE	Cái	200
39	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa, các loại các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> Kim luồn tĩnh mạch ngoại biên các cỡ 14G, 16G, 17G, 18G, 20G, 22G, 24G. - Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, để lấy ven và giảm đau. - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. - Ống catheter làm từ chất liệu PTFE nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau. - Kim có công bơm thuốc bổ xung, nắp đậy bật rẽ dàng. - Khoang bảo máu thiết kế trong xuất giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven . - Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide). - ISO 13485:2016; EN ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương 	Iso 13485, CE	Cái	1.300
40	Kim nha ngắn	Kim sắc bén, nhọn giảm cảm giác đau, ít gây kích ứng da, viêm tĩnh mạch, khó chịu cho bệnh nhân. Size 27G x 13/16" 0,04x21mm	CE, ISO 13485, CFS Châu Âu	Cái	200

41	Kim tiêm các số	Kim số 26Gx1/2"; 25Gx1", 25Gx5/8"; 23Gx1"; 22Gx1 1/4"; 20Gx1 1/2"; 18Gx1 1/2" Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ISO 13485	Cái	2.500
42	Kim châm cứu AIK các cỡ, tiệt trùng trước khi sử dụng	Chất liệu: Thân làm bằng thép không gỉ, cán kim được cuộn bằng thép, đầu kim trơn láng sắc nhọn, đã được tiệt trùng bằng tia bức xạ, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân; số 1: 0.25 hoặc 0.30x15mm, số 2: 0.25 hoặc 0.30x25mm, số 3: 0.25 hoặc 0.30x30mm, số 4: 0.25 hoặc 0.30x40mm, số 5: 0.25 hoặc 0.30x50mm, số 6: 0.25 hoặc 0.30x60mm, 0.25 hoặc 0.30x75mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE, GMP hoặc tương đương; Đóng gói tiệt trùng	Hộp/100 cây	Cây	3.000
43	Mask xông khí dung các size	* Chất liệu: PVC y tế, có kẹp mũi * Bình chứa thuốc 6ml, người lớn dây nối oxy 2m, trẻ em dây nối oxy 2m, trẻ em dây nối oxy 2m, sơ sinh dây nối oxy 2m	Iso 13485, CE	Cái	100
44	Máy đo huyết áp người lớn	Máy đo huyết áp cơ với vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao. Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá. Đồng hồ áp lực hiển thị áp suất chuẩn (không bị lệch điểm không). Tai nghe có độ khuếch đại lớn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ISO 13485	Bộ	4
45	Nhiệt kế thủy ngân	Bên trong chứa thủy ngân; bên ngoài có vạch định mức đo nhiệt độ; dùng để đo kẹp nách. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Iso 13485, CE	Cái	12
46	Ống đặt nội khí quản có bóng hoặc không bóng, có công hút dịch	Chất liệu nhựa mềm, dễ uốn cong, có đầu hút bên trong và công rút dịch ra để hút chất dịch ở vùng dưới thanh môn bên trên bóng chèn để giảm nguy cơ VAP (Viêm phổi liên quan đến máy thở). Có nổi màu vàng với mũ chụp màu xanh của đầu hút giúp phân biệt với ống bơm áp suất và giảm nguy cơ lây nhiễm chéo. Tiêu chuẩn ISO 13485	Iso 13485, CE	Cái	30
47	Ống hút dịch phẫu thuật	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, đường kính trong ϕ 8mm, đường kính ngoài ϕ 10mm, dây mềm, có chiều dài 2.000 mm, bề mặt trong và ngoài ống dây nhẵn bóng, ống dây có màu trắng trong. Được tiệt trùng bằng khí E.O. Tiêu chuẩn: ISO 13485	ISO 13485	Sợi	20
48	Ống thông tiểu 2 nhánh các số	Foley 2 nhánh phủ Silicon cao cấp, 2 mắt đối diện nhau, mã hóa màu kích cỡ, đã được tiệt trùng. Bóng chịu áp lực 30-50ml, các số 12-30. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE	Iso 13485, CE	Cái	50
49	Que đũa lưỡi gỗ	- Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	ISO 13485	Cái	1.000

50	Que đường huyết OG CARE	Hộp que thử đường : gồm 50 que Hộp kim gồm : 50 kim, được đóng trong cùng một hộp (gói); - Nhiệt độ bảo quản : 15°C-30°C - Hạn dùng : ≥18 tháng - Sử dụng công nghệ cảm biến sinh học mới nhất - Mẫu máu : máu toàn phần mao mạch tươi - Phạm vi đo lường Glucose : 40-600 mg/dL. - Thành phần hóa học : Glucose Oxides ≥ 0.3 IU; Potassium Ferrocyanide ≥ 0.2 ug; Other elements 68%. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	Iso 13485, CE	Hộp	4
51	Tạp dè	Chất liệu: màng nhựa PE, màu xanh. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	ISO 13485	Cái	50
52	Túi đựng nước tiểu có dây treo, có khoá	Làm bằng vật liệu nhựa cao cấp cường lực, có khóa vận ¼ vòng, dây dẫn dài ≥0.75 m, đường kính ngoài ≥6.8mm, đường kính van tháo dịch ≥9.22 mm; tính năng chống trào ngược có lỗ treo. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Iso 13485, CE	Cái	30
53	Viên diệt khuẩn 2.5g	Natri Troclosene (Natri Dichloroisocyanurate) 50%, Mỗi hộp chứa 100 viên, mỗi viên 5g chứa 2,5g hoạt chất	iso, FDA	Hộp	10
Tổng cộng 53 khoản					



111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200
201
202
203
204
205
206
207
208
209
210
211
212
213
214
215
216
217
218
219
220
221
222
223
224
225
226
227
228
229
230
231
232
233
234
235
236
237
238
239
240
241
242
243
244
245
246
247
248
249
250
251
252
253
254
255
256
257
258
259
260
261
262
263
264
265
266
267
268
269
270
271
272
273
274
275
276
277
278
279
280
281
282
283
284
285
286
287
288
289
290
291
292
293
294
295
296
297
298
299
300
301
302
303
304
305
306
307
308
309
310
311
312
313
314
315
316
317
318
319
320
321
322
323
324
325
326
327
328
329
330
331
332
333
334
335
336
337
338
339
340
341
342
343
344
345
346
347
348
349
350
351
352
353
354
355
356
357
358
359
360
361
362
363
364
365
366
367
368
369
370
371
372
373
374
375
376
377
378
379
380
381
382
383
384
385
386
387
388
389
390
391
392
393
394
395
396
397
398
399
400
401
402
403
404
405
406
407
408
409
410
411
412
413
414
415
416
417
418
419
420
421
422
423
424
425
426
427
428
429
430
431
432
433
434
435
436
437
438
439
440
441
442
443
444
445
446
447
448
449
450
451
452
453
454
455
456
457
458
459
460
461
462
463
464
465
466
467
468
469
470
471
472
473
474
475
476
477
478
479
480
481
482
483
484
485
486
487
488
489
490
491
492
493
494
495
496
497
498
499
500
501
502
503
504
505
506
507
508
509
510
511
512
513
514
515
516
517
518
519
520
521
522
523
524
525
526
527
528
529
530
531
532
533
534
535
536
537
538
539
540
541
542
543
544
545
546
547
548
549
550
551
552
553
554
555
556
557
558
559
560
561
562
563
564
565
566
567
568
569
570
571
572
573
574
575
576
577
578
579
580
581
582
583
584
585
586
587
588
589
590
591
592
593
594
595
596
597
598
599
600
601
602
603
604
605
606
607
608
609
610
611
612
613
614
615
616
617
618
619
620
621
622
623
624
625
626
627
628
629
630
631
632
633
634
635
636
637
638
639
640
641
642
643
644
645
646
647
648
649
650
651
652
653
654
655
656
657
658
659
660
661
662
663
664
665
666
667
668
669
670
671
672
673
674
675
676
677
678
679
680
681
682
683
684
685
686
687
688
689
690
691
692
693
694
695
696
697
698
699
700
701
702
703
704
705
706
707
708
709
710
711
712
713
714
715
716
717
718
719
720
721
722
723
724
725
726
727
728
729
730
731
732
733
734
735
736
737
738
739
740
741
742
743
744
745
746
747
748
749
750
751
752
753
754
755
756
757
758
759
760
761
762
763
764
765
766
767
768
769
770
771
772
773
774
775
776
777
778
779
780
781
782
783
784
785
786
787
788
789
790
791
792
793
794
795
796
797
798
799
800
801
802
803
804
805
806
807
808
809
810
811
812
813
814
815
816
817
818
819
820
821
822
823
824
825
826
827
828
829
830
831
832
833
834
835
836
837
838
839
840
841
842
843
844
845
846
847
848
849
850
851
852
853
854
855
856
857
858
859
860
861
862
863
864
865
866
867
868
869
870
871
872
873
874
875
876
877
878
879
880
881
882
883
884
885
886
887
888
889
890
891
892
893
894
895
896
897
898
899
900
901
902
903
904
905
906
907
908
909
910
911
912
913
914
915
916
917
918
919
920
921
922
923
924
925
926
927
928
929
930
931
932
933
934
935
936
937
938
939
940
941
942
943
944
945
946
947
948
949
950
951
952
953
954
955
956
957
958
959
960
961
962
963
964
965
966
967
968
969
970
971
972
973
974
975
976
977
978
979
980
981
982
983
984
985
986
987
988
989
990
991
992
993
994
995
996
997
998
999
1000

PHỤ LỤC II

BẢO GIÁ



Kính gửi: **TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ TIÊN.**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất,

1. Báo giá cho các vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường cần mua sắm cấp bách :

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất, trang thiết bị y tế thông thường (2)	Tên thương mại của hàng hóa, Ký, mã, nhãn hiệu, hãng sản xuất (3)	Mã HS (4)	Năm sản xuất (5)	Xuất xứ (6)	Số lượng (7)	Đơn giá (VND) (8)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND) (9)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND) (10)	Thành tiền (NVD) (11)
1										
2										
3										
n									
Tổng cộng										

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng.....ngày, kể từ ngày.....tháng.....năm.....[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày....

3. Chúng tôi cam kết:

Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của các vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh và thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp (12)
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))